TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST
Ngày: 06-10-2021.
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản và nợ hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đực – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và nợ hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn*:

2.1 Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: khóm 2, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2.2 Bà Hà Thị H, sinh năm 1958. Địa chỉ cư trú: khóm 2, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2021, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, trình bày: Bà H có tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi nhưng không nhớ ngày tháng chỉ nhớ hụi chơi vào năm 2011,

không nhớ hụi chơi bao nhiêu tiền, có bao nhiêu người tham gia, không nhớ bà H tham gia mấy phần, hốt hụi khi nào và được bao nhiêu tiền, vì bà H tham gia hụi ngày, hụi tháng, việc tham gia hụi có ghi sổ sách nhưng hiện bà không còn giữ. Bà nhớ khi hụi mãn thì ngày 26/5/2013 bà H đến nhà bà, kêu bà tính sổ sách bà H còn nợ bà bao nhiêu tiền hụi. Sau đó, bà và bà H cùng ngồi lại tính tiền thì bà H còn nợ bà tổng cộng 252.565.000đ, con dâu bà là Nguyễn Thị K có viết dùm tờ biên nhận và bà H có ký tên vào tờ biên nhận, là biên nhận bà đã nộp cho Tòa án. Sau khi làm biên nhận thì mỗi ngày bà H trả cho bà 100.000đ, nhưng có ngày trả ngày không, bà H trả tiền cho bà nhiều lần, tổng cộng trả được 216.950.000đ, mỗi lần bà H trả tiền thì hai bên không làm biên nhận cho nhau, bà chỉ tự ghi sổ của mình để nhớ, bà H không có ký tên vào sổ của bà (tức là 26 tờ giấy A4 bà đã photo từ cuốn sổ để cung cấp cho Tòa án). Việc bà H tham gia chơi hụi thì chồng bà H là ông Nguyễn Văn N có biết, vì bà thường đến nhà bà H thu tiền hụi, có một lần ông N trả cho bà được 50.000đ.

Ngày 26/01/2013 thì bà H có vay của bà số tiền 50.000.000đ, lãi suất hàng tháng 2.500.000đ, việc vay tiền có làm biên nhận, không có thế chấp tài sản, bà H chỉ nói mượn tạm (mượn đở) nhưng theo bà nghĩ là khoảng 05-06 tháng sẽ trả. Bà H đóng lãi đến tháng 4 năm 2013 được số tiền là 7.500.000đ thì không đóng nữa cho đến nay. Chỉ có bà H đóng tiền lãi cho bà, ông N không có đóng tiền lãi cho bà lần nào. Lúc đưa tiền cho bà H vay là tại nhà bà H, bà không có yêu cầu ông N ký tên vào tờ biên nhận, vì bà và bà H là chỗ quen biết nhau đã lâu, bà H làm thợ nấu, có lò kẹo nên khi kẹt (thiếu) tiền thì bà H hỏi vay tiền của bà.

Bà H tham gia chơi hụi và vay tiền là để lo chi tiêu, làm ăn trong gia đình. Bà không yêu cầu giám định chữ ký của bà H trong tờ biên nhận bà đã cung cấp cho Tòa án. Không có lần nào bà đến nhà bà H nói với bà H là "bà H đã trả xong, nghĩa là góp xong số tiền đã nợ bà". Chỉ có trước Tết năm 2020 thì con bà H tên M có kêu bà đưa giấy, nghĩa là cộng lại bà H đã trả được bao nhiêu tiền cho bà và giấy tờ bà H nợ bà bao nhiêu tiền, thì bà có hứa là gần Tết bà đem giấy tờ xuống cho bà H xem. Sau đó bà có đem tờ biên nhận bà H nợ bà 252.565.000đ và tiền mượn 50.000.000đ (là biên nhận bà đã nộp cho Tòa án) thì bà H nói không phải, bà H cho rằng lúc ký biên nhận là trong cuốn sổ bự (lớn), màu đen, bà nói với bà H "biên nhận đưa cho bà H là tờ photo còn cuốn sổ gốc là biên nhận gốc bà để ở nhà", tức là cuốn sổ bà đã đưa cho bà H xem tại Tòa án khi hòa giải. Tết bà H khai trương xưởng kẹo vào ngày mùng 7 năm 2021 bà H đã trả cho bà được 1.000.000đ đến ngày mùng 10 thì bà H trả tiếp cho bà được 700.000đ, tổng cộng là 1.700.000đ. Sau khi trả số tiền 1.700.000đ thì bà H nói với bà là bà H đã trả đủ rồi, không trả tiền cho bà nữa, bà trả lời với bà H là trả 1.700.000đ thì trả tiếp hay không là quyền của bà H chứ bà không có nói với bà H là "bà H đã góp, đã trả xong số tiền nợ bà". Đến ngày 12/01/2021 âm lịch bà và bạn tên Lê Thị T có đến nhà bà H thương lượng, để tính lại tiền bà H còn nợ bà như thế nào thì ông N chửi và đòi đánh bà và bà T. Số tiền bà H trả cho bà được 216.950.000đ là tính đến ngày 30 Tết năm 2020, trong đó đã tính luôn số tiền 1.700.000đ mà bà H đã trình bày. Như vậy, tiền hụi bà H còn nợ bà là 252.565.000đ – 216.950.000đ = 35.615.000đ. Bà khẳng định biên nhận ngày 26/5/2013 chỉ là tiền hụi 252.565.000đ không bao gồm tiền vay, vì số tiền vay

50.000.000đ vào ngày 26/01/2013 thì bà H nói, bà khổ rồi để bà H đóng tiền lời (tiền lãi) hàng tháng cho bà. Nay bà yêu cầu bà Hà Thị H và ông Nguyễn Văn N liên đới trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 35.615.000đ, tiền vay gốc còn nợ là 50.000.000đ, tổng cộng 85.615.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu nào khác.

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa:

Bị đơn bà Hà Thị H, trình bày: Bà thừa nhận vào năm 2011 bà có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ. Không nhớ việc chơi hụi cụ thể như thế nào, chỉ nhớ khi bà N vỡ (bể) hụi thì cộng sổ sách lại thì bà còn nợ bà N tiền hụi là 225.000.000đ, sau đó bà N gặt (yêu cầu bà trả tiền cho người khác) không nhớ số tiền cụ thể bao nhiêu, chỉ nhớ trả cho bà Lê Thị N 15.000.000đ, trả cho bà Võ Thị L 35.000.000đ, bà N, bà L đều cư trú ở thị trấn T. Sau khi trả tiền cho bà N, bà L thì bà còn nợ lại tiền hụi của bà N là 175.000.000đ. Cũng vào năm 2011, không nhớ ngày tháng thì bà có vay của bà N số tiền 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận hàng tháng trả là 2.500.000đ, bà đóng lãi đến năm 2013 thì không đóng lãi nữa, bà không nhớ đóng lãi được bao nhiêu tiền, khi đóng lãi không có làm biên nhận.

Không nhớ ngày tháng chỉ nhớ vào năm 2013, bà đến nhà bà N cộng lại sổ sách thì bà còn nợ bà Nào 225.000.000đ, con dâu bà N là chị K làm biên nhận, bà có ký tên, nhưng biên nhận hiện bà không còn giữ, Tòa án đưa cho bà xem tờ biên nhận có ghi nội dung từ "chị 6 kẹo ngày 26/01/2013 …..đến ngày 26/5/2013" thì đúng là chữ ký của bà. Bà không yêu cầu giám định chữ ký của bà, vì bà đã được xem cuốn sổ gốc của bà N tại buổi hòa giải ngày 09/7/2021.

Từ khi chốt sổ bà còn nợ bà N 225.000.000đ thì mỗi ngày bà trả cho bà N 100.000đ cho đến ngày 10/01/2021, nhưng tại phiên tòa bà trình bày trả tiền bà N từ ngày 26/5/2013 đến ngày 20/12/2020 âm lịch và không xác định tổng số tiền đã trả bà N là bao nhiêu. Bà N nói với bà là bà đã góp đủ số tiền bà còn nợ bà N, khi bà N nói bà góp đủ tiền, nghĩa là đã trả dứt nợ cho bà N thì bà có nói lại cho bà Lê Thị S, bà H, bà N đang làm thuê trong nhà của bà nghe là bà N nói với bà như vậy, bà chỉ nói lại cho bà S, bà H, bà N nghe chứ bà S, bà H, bà N không có trực tiếp nghe bà N nói chuyện với bà. Mỗi ngày bà đều trả đầy đủ cho bà N 100.000đ, nếu ngày nào không trả thì ngày sau sẽ trả dồn lên, việc trả cho bà N mỗi ngày 100.000đ thì không có làm giấy tờ, cũng không có ai chứng kiến, bà cũng không có ghi sổ sách lại để tự nhớ.

Ngày 10/01/2021 bà N nói bà còn nợ 700.000đ thì hết nợ nên bà cũng trả cho bà N 700.000đ, sau đó bà N lại nói đưa thêm 1.000.000đ mới hết nợ và cũng trả cho bà N thêm 1.000.000đ. Đến ngày 20/02/2021 bà N lại kêu bà trả thêm tiền nhưng bà N không nói trả thêm bao nhiêu tiền, cũng không có nói bà còn nợ bao nhiêu tiền và bà không đồng ý trả tiền cho bà N nữa. Việc bà tham gia hụi và vay tiền của bà N là để lo chi tiêu, làm ăn trong gia đình nên chồng bà là ông Nguyễn Văn N có biết.

Bà khẳng định lại là bà không nhớ trả tiền cho bà N đến ngày 20/12/2020 âm lịch được số tiền là bao nhiêu, bà cũng không tính được số tiền, bà chỉ biết bà N góp tiền thì bà cứ đưa. Nếu ngày 10/01/2021 bà N không có nói với bà là bà đã trả xong số tiền còn nợ, thì bà N đến nhà gom tiền thì bà vẫn tiếp tục đưa mỗi ngày 100.000đ

cho đến khi nào bà N thông báo cho bà hay là bà đã trả xong tiền nợ, vì bà không xác định được khi nào trả nợ dứt cho bà N, do bà lo làm, không quan tâm tới. Nếu sau khi Tòa án tính số tiền mà bà đã trả cho bà N vượt quá số tiền mà bà nợ bà N thì bà cũng không yêu cầu bà N trả lại. Khi hòa giải cán bộ Tòa án đã giải thích cho bà nghe biên nhận bà ký tên trong đó có hai khoản là ngày 26/01/2013 bà vay của bà N 50.000.000đ và ngày 26/5/2013 bà nợ bà N 252.562.000đ nhưng bà chỉ thừa nhận là ngày 26/5/2013 bà chỉ còn nợ 225.000.000đ tiền hụi và 50.000.000đ tiền vay. Tại phiên tòa bà thừa nhận còn nợ tiền hụi bà N 252.565.000đ và tiền hụi 50.000.000đ như trong tờ biên nhận bà ký tên và bà cũng thừa nhận hiện tại còn nợ tiền bà N nhưng không xác định nợ bao nhiêu tiền đề nghị Tòa án tính dùm bà.

Nay bà N yêu cầu bà và ông Nguyễn Văn N trả tiền hụi còn nợ là 35.615.000đ và tiền vay 50.000.000đ thì bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà N. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N, trình bày: Ông là chồng của bà H, ông có nghe lời trình bày của bà H. Ông thống nhất theo lời trình bày của bà H. Ông không đồng ý trả cho bà Nào số tiền hụi còn nợ là 35.615.000đ và tiền vay 50.000.000đ, vì vợ chồng ông đã trả cho bà N xong số tiền đã nợ. Việc trả nợ cho bà N không có giấy tờ, không có làm biên nhận. Ông nhớ có lần bà N cộng sổ lại thì vợ chồng ông chỉ còn nợ bà N 225.000.000đ và có làm biên nhận nhưng hiện gia đình ông không còn giữ, không phải nợ 252.565.000đ, hàng ngày vợ chồng ông đều trả cho bà N 100.000đ đầy đủ đến nay đã trả xong, nhưng không xác định được đã trả được bao nhiêu tiền. Nếu Tòa án xác định bà H còn nợ tiền bà N thì ông cũng thống nhất cùng bà H trả nợ, bà H thừa nhận có ký tên vào hai tờ biên nhận thì ông cũng đồng ý có nợ bà N. Vợ chồng ông đã trả tiền đầy đủ nếu tính ra còn thiếu bao nhiêu ông sẽ trả thêm nhưng bà N yêu cầu trả 85.615.000đ thì ông không đồng ý. Nếu số tiền vợ chồng ông trả cho bà N vượt quá số tiền vợ chồng ông nợ thì ông cũng không yêu cầu bà N trả lại. Ngoài ra, không có yêu cầu hay trình bày gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là có căn cứ nhưng tại phiên tòa bà Hà Thị H không xác định được biên nhận ngày 26/5/2013 có phải bao gồm tiền vay và tiền hụi hay chỉ tiền hụi. Mặt khác, bà N cũng thừa nhận biên nhận là con dâu của bà N tên Nguyễn Thị K viết dùm nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đưa chị K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, yêu cầu bà Hà Thị H và ông Nguyễn Văn N trả tiền vay và tiền hụi còn nợ và bà H, ông N hiện cư trú tại khóm 2, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa để đưa chị Nguyễn Thị K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì chị K là người viết dùm biên nhận và bà H không xác định được số tiền 252.565.000đ là bao gồm tiền hụi và tiền vay hay chỉ tiền hụi. Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa bà H thừa nhận ngày 26/01/2013 nợ tiền vay 50.000.000đ, ngày 26/5/2013 nợ tiền hụi 252.565.000đ và bà cũng thống nhất có ký tên vào 02 tờ biên nhận trên. Mặt khác, việc giải quyết vụ án không có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của chị K nên việc tạm ngừng phiên tòa là không cần thiết. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Xét, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Hà Thị H, ông Nguyễn Văn N liên đới trả số tiền vay còn nợ 50.000.000đ và tiền hụi 35.615.000đ, tổng cộng 85.615.000đ là có căn cứ để chấp nhận, vì:

[4] Bà H thừa nhận chữ ký "H" trong tờ biên nhận thể hiện ngày 26/01/2013 và ngày 26/5/2013 đúng là chữ ký của bà H. Bà H, ông N lúc thì trình bày là đã dứt số tiền đã nợ, vì cho rằng bà N nói (thông báo) cho bà H là đã trả xong nợ nhưng không xác định được trả được bao nhiêu tiền, lúc thì bà H, ông N lại thừa nhận còn thiếu nợ bà N nhưng không xác định được nợ bao nhiêu tiền, cũng không thống nhất trả số tiền 85.615.000đ và bà H, ông N không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tuy nhiên bà N không thừa nhận bà H đã trả tiền đầy đủ từ ngày 26/5/2013 đến ngày 20/12/2020 âm lịch mà chỉ thừa nhận bà H trả được số tiền 216.950.000đ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào sự thừa nhận của bà N để khấu trừ số tiền bà H đã nợ, cụ thể: 50.000.000đ tiền vay + 252.565.000đ tiền hụi – 216.950.000đ = 85.615.000đ.

[5] Về trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng như sau: Mặc dù chỉ có một mình bà Huệ đứng vay tiền và tham gia chơi hụi nhưng bà H, ông N đều thừa nhận việc bà H vay tiền và hốt (lĩnh) hụi là để lo chi tiêu và làm ăn chung trong gia đình. Đồng thời ông N thừa nhận nếu bà H còn nợ tiền bà N thì ông cũng thống nhất cùng bà H trả nợ. Do đó ông N phải có nghĩa vụ cùng bà H trả nợ.

[6] Về lãi suất: Trong quá trình tiến hành và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Hà Thị H trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Từ những nhận định trên có căn cứ xác định: Bà Hà Thị H và ông Nguyễn Văn N còn nợ số tiền vay 50.000.000đ và tiền hụi 35.615.000đ, tổng cộng 85.615.000đ của bà Nguyễn Thị N chưa trả là thật. Do đó buộc bà Hà Thị H, ông Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay, tiền hụi còn nợ tổng cộng là 85.615.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật

Hôn nhân và gia đình; các Điều 463, khoản 1 Điều 466, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Hà Thị H, ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận là 4.280.000 đồng (85.615.000đ x 5% =4.280.000đ) tuy nhiên bà H, ông N là người cao tuổi và có đơn đề nghị Tòa án miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho bà H, ông N theo quy định. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000đ theo biên lai thu số 0003155 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 463, khoản 1 Điều 466, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Hà Thị H, ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay và tiền hụi còn nợ tổng cộng là 85.615.000đ (Tám mươi lăm triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Hà Thị H, ông Nguyễn Văn N được miễn nộp.

2.2 Bà Nguyễn Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0003155 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/10/2021).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung